

CÔNG TY CỔ PHẦN CÂY XANH HOÀNG LAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÂY XANH HOÀNG LAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG LAM GREEN TREE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109980357

3. Ngày thành lập: 27/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

SN 171, Ngõ 565, Đường Bát Khối, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0813085678

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm; Trừ đấu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633

9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Kính doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Kính doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Mua bán trang thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy;	4669
19.	Trồng lúa	0111

20.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
21.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
22.	Trồng cây mía	0114
23.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
24.	Trồng cây lấy sợi	0116
25.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
27.	Trồng cây hàng năm khác	0119
28.	Trồng cây ăn quả	0121
29.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
30.	Trồng cây điều	0123
31.	Trồng cây hồ tiêu	0124
32.	Trồng cây cao su	0125
33.	Trồng cây cà phê	0126
34.	Trồng cây chè	0127
35.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
36.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
37.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
38.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
39.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
40.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
41.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
42.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
43.	Chăn nuôi gia cầm	0146
44.	Chăn nuôi khác	0149
45.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
46.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
47.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
48.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
49.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
50.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
51.	Khai thác gỗ	0220
52.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
53.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
54.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
55.	Khai thác thủy sản biển	0311
56.	Khai thác thủy sản nội địa	0312

57.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
58.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
60.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ tư vấn pháp luật) - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
62.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	6920
63.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	7110
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
70.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
71.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
72.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
73.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690

74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
75.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
76.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
77.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
78.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
79.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
80.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
81.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
82.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
83.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
84.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
85.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
86.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
87.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
88.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
89.	Sản xuất đường	1072
90.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
91.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
92.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
93.	Sản xuất chè	1076
94.	Sản xuất cà phê	1077
95.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
96.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
97.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
98.	Sản xuất sợi	1311
99.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
100.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
101.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
102.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
103.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
104.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
105.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
106.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
107.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420

108.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
109.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
110.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
111.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quần gỗ	1610
112.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
113.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
114.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
115.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
116.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
117.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
118.	In ấn	1811
119.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
120.	Sao chép bản ghi các loại	1820
121.	Sản xuất than cốc	1910
122.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
123.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
124.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc;	2100
125.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
126.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
127.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
128.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
129.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
130.	Đúc sắt, thép	2431
131.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
132.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
133.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
134.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
135.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
136.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
137.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
138.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
139.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
140.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
141.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

142.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
143.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
144.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
145.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
146.	Sản xuất máy luyện kim	2823
147.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
148.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
149.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
150.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
151.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
152.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
153.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4774
154.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
155.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
156.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
157.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
158.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
159.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799

160.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: - Trồng cây, chăm sóc và duy trì: + Công viên và vườn hoa; + Nhà riêng và công cộng, + Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ...), + Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang...), + Cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng), + Tòa nhà công nghiệp và thương mại; - Trồng cây xanh cho: + Các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà), + Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf), + Vùng nước tĩnh và động (bồn, vùng nước đối lưu, ao, bể bơi, muông, sông, suối, hệ thống cây xanh trên vùng nước thải), + Trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng. Nhóm này cũng gồm: - Thiết kế và dịch vụ xây dựng phụ; - Làm đất tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp và sinh thái học.	8130(Chính)
161.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
162.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
163.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
164.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
165.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
166.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Trừ vàng miếng)	3211
167.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
168.	Sản xuất nhạc cụ	3220
169.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
170.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại Nhà nước cấm)	3240
171.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

172.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt; - Sản xuất tàu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọ chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh... - Hoạt động nhồi bông thú,	3290
173.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
174.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
175.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
176.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
177.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
178.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
179.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
180.	Xây dựng nhà để ở	4101
181.	Xây dựng nhà không để ở	4102

182.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
183.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
184.	Xây dựng công trình điện	4221
185.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
186.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
187.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
188.	Xây dựng công trình thủy	4291
189.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
190.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
191.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
192.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
193.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
194.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
195.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
196.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
197.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
198.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
199.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
200.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
201.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
202.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
203.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764
204.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
205.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

206.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	SN 171, Ngõ 565, Đường Bát Khối, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	183428591	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

2	NGUYỄN HỒNG LAM	Thôn Ngũ Sơn, Xã Lại Thượng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	0010800049 46
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000	
3	NGÔ DUY NINH	Tổ 5, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0010910455 07
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 183428591

Ngày cấp: 07/02/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Thôn Trần Phú, Xã Thạch Trị, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: SN 171, Ngõ 565, Đường Bát Khối, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội